

Bản án số: 206/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 04/3/2024
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Nguyễn Phước Trinh

2- Bà Phạm Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hồ Quyết Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh:
Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 04 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1116/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02/02/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hồ Văn L, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Đường A, Tổ B, Ấp D, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Đường A, Tổ B, Ấp D, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn ngày 05/9/2023, nguyên đơn Ông Hồ Văn L trình bày:

Ông với bà Nguyễn Thị G tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29/2013 ngày 08/4/2013. Vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong công việc và trong sinh hoạt gia đình. Ông xác định tình cảm không còn nên ông yêu cầu được ly hôn bà G.

- Về con chung có 02 trẻ tên là **Hồ Nguyễn Tường V**, sinh ngày 28/02/2010 và **Hồ Nguyễn Cát T**, sinh ngày 24/4/2011, ông yêu cầu bà **G** trực tiếp nuôi 02 con, ông cấp dưỡng cho 02 con mỗi tháng là 4.000.000 đồng (mỗi con là 2.000.000 đồng/tháng).

- Về tài sản chung: Ông và bà **G** tự thỏa thuận.

- Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông xác định không có.

Do bà **G** đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng bà **G** vẫn vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án không tiến hành hòa giải được nên phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, ông **L** vẫn giữ yêu cầu như đơn khởi kiện, bà **G** vắng mặt nên không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

[1] Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Bị đơn bà **Nguyễn Thị G** đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà **G**.

* Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông **Hồ Văn L** với bà **Nguyễn Thị G** tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã **Q**, huyện **Q**, tỉnh **Nghệ An** cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29/2013 ngày 08/4/2013 nên là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu của ông **Hồ Văn L** xin ly hôn bà **Nguyễn Thị G**:

Bà **G** không quan tâm, thương yêu ông **L**, bà **G** đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến thể hiện bà **G** không có thiện chí hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông **L**, cho ông **L** được ly hôn bà **G**.

[5] Về con chung có 02 trẻ tên là **Hồ Nguyễn Tường V**, sinh ngày 28/02/2010 và **Hồ Nguyễn Cát T**, sinh ngày 24/4/2011.

Xét ông **L** yêu cầu bà **G** trực tiếp nuôi 02 con, ông cấp dưỡng cho 02 con mỗi tháng là 4.000.000 đồng (mỗi con là 2.000.000 đồng/tháng): Hai trẻ **Tường V** và **Cát T**

đang do bà **G** trực tiếp nuôi, bà **G** đã biết rõ yêu cầu về con chung của ông **L** khi được tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo kết quả phiên họp (bà **G** trực tiếp ký nhận) nhưng bà **G** không có ý kiến gì và phù hợp nguyện vọng của 02 trẻ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông **L**. Nếu bà **G** có yêu cầu gì về việc nuôi con hoặc cấp dưỡng cho con thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về tài sản chung: Tại phiên tòa, ông **L** trình bày ông và bà **G** tự thỏa thuận, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông **L** xác định không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Căn cứ vào điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử buộc ông **L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

I. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông **Hồ Văn L**:

1. Về hôn nhân: Ông **Hồ Văn L** được ly hôn bà **Nguyễn Thị G**.

2. Về con chung có 02 trẻ tên **Hồ Nguyễn Tường V**, sinh ngày 28/02/2010 và **Hồ Nguyễn Cát T**, sinh ngày 24/4/2011.

Bà **G** được trực tiếp nuôi 02 trẻ **Tường V** và **Cát T**. Ông **L** có trách nhiệm cấp dưỡng cho 02 trẻ **Tường V** và **Cát T** số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng/tháng (mỗi trẻ là 2.000.000 đồng/tháng), thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi 02 trẻ **Tường V** và **Cát T** lần lượt tròn 18 tuổi.

Địa điểm thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà **G** có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông **L** chưa thi hành trả số tiền nêu trên thì hàng tháng ông **L** còn phải trả cho bà **G** tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không xét.

II. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông **Hồ Văn L** phải nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí về việc ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2023/0018243 ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; ông **L** đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc ông **Hồ Văn L** phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí về việc cấp dưỡng cho con.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh (01)
- VKSND huyện Củ Chi (02)
- Chi cục THADS huyện Củ Chi (01)
- UBND xã Quỳnh Thạch,
huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An (01)
- Các đương sự (02)
- Lưu: Vp, hồ sơ vụ án (02)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Thắm